

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
Về việc “Ly hôn và giải quyết
vấn đề con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dư Công Thử.

2. Bà Nguyễn Thị Sinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn và giải quyết vấn đề con chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Bích N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Bị đơn: Ông Hoàng Công C, sinh năm 1989; địa chỉ: Số I, thôn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà N có mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Bích N và ông Hoàng Công C chung sống với nhau từ năm 2007, đến tháng 3/2010 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay. Thời gian chung sống chỉ được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà N trình bày là từ lúc sinh con thứ hai thì ông C không chịu đi làm, không có trách nhiệm gì với gia đình nên nảy sinh nhiều bất đồng và bà cảm thấy không thể hòa hợp được. Nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Bị đơn ông Hoàng Công C thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như bà N trình bày là đúng. Ông C cho rằng bà N có quan hệ ngoại tình với người khác nên mới dẫn đến việc ly hôn, bản thân ông không làm gì có lỗi. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Ngọc Anh T, sinh ngày 12/4/2008 hiện nay do bà N nuôi dưỡng và Hoàng Ngọc Anh K, sinh ngày 28/4/2010 (đã chết năm 2020). Khi ly hôn bà N và ông C đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Ngọc Anh T và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết vấn đề con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn; giao con chung Hoàng Ngọc Anh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Bích N khởi kiện ly hôn ông Hoàng Công C, sinh năm 1989; cư trú tại: Số I, thôn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông C tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã ly thân trong thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để các bên hàn gắn nhưng không có kết quả. Tuy các bên có cách

nhìn nhận khác nhau nhưng đều thừa nhận tồn tại mâu thuẫn không thể giải quyết được, điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại nơi vợ chồng cư trú. Bị đơn ông Hoàng Công C cho rằng bà N ngoại tình dẫn đến việc ly hôn nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông C đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Ngọc Anh T, sinh ngày 12/4/2008 hiện nay do bà N nuôi dưỡng và Hoàng Ngọc Anh K, sinh ngày 28/4/2010 (đã chết năm 2020). Bà N và ông C đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của con chung cũng như điều kiện về mọi mặt và để đảm bảo sự ổn định, phát triển bình thường của con chung cần giao con chung Hoàng Ngọc Anh T cho bà Hoàng Thị Bích N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà N không có yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; bị đơn vắng mặt và cũng không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và giải quyết vấn đề con chung của bà Hoàng Thị Bích N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Bích N được ly hôn ông Hoàng Công C.

Về con chung: Giao con chung Hoàng Ngọc Anh T, sinh ngày 12/4/2008 cho bà Hoàng Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009207 ngày 23/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thành Luân